

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 41/2019/HS-ST

Ngày: 17-9-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường

Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Đinh Công Quảng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/TLST-HS, ngày 06 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D, đã chết và bà Nguyễn Thị C1, đã chết; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; có chồng tên Lâm Văn T1, sinh năm 1969; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang được tại

ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 46/2019/HSST-LCCT ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Cao Thị T', sinh năm 1975, tại Q.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao T2, sinh năm 1936 và bà Bùi Thị N1, sinh năm 1939, hiện trú tại thôn 6, xã N, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có chồng tên Lê Minh B, sinh năm 1962 (đã chết); có 02 người con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 47/2019/HSST-LCCT ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: Nguyễn Thị T'', sinh năm 1972, tại Q.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã N, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L, đã chết và bà Hồ Thị N2, đã chết; gia đình có 07 chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; có chồng tên Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1972; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 48/2019/HSST-LCCT ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: Huỳnh C, sinh năm 1965, tại Q.

Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn X, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh T3, đã chết và bà Phạm Thị C2, đã chết; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có vợ tên Trịnh Thị Đ, sinh năm 1967 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 45/2019/HSST-LCCT ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn 2, xã N, huyện Đức

Linh, tỉnh Bình Thuận;

2. Bà Trần Thị H, tên gọi khác là U, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Thôn 2, xã N, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 10 phút ngày 06/11/2018, tại quán cà phê “Vân Trang” thuộc khu phố 9, thị trấn X, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Linh phối hợp với Công an thị trấn X tiến hành kiểm tra, phát hiện 02 đối tượng Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, trú tại thôn 6 xã N và Huỳnh C, sinh năm 1965, trú tại khu phố 4, thị trấn X đang có hành vi ghi chép việc đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số đề với người khác nên lập biên bản đưa về trụ sở Công an làm việc. Quá trình điều tra đã xác định hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số đề của Nguyễn Thị T, Huỳnh C cùng Cao Thị T’ và Nguyễn Thị T’’, cụ thể như sau:

Nguyễn Thị T là người không biết chữ nhưng nhận ghi số đề từ người khác để chuyển giao lại cho Nguyễn Thị T’’, là Chủ đề làm cái đề hưởng tiền hoa hồng. Hình thức ghi số đề như sau: Người nào đánh số đề thì điện thoại hoặc nhắn tin trực tiếp qua điện thoại di động số thuê bao 0784188661 của Nguyễn Thị T về con số đề cần đánh và số tiền đặt cược. Sau khi nhận được tin nhắn, Nguyễn Thị T ghi thêm chữ “OK” vào phía sau đuôi tin nhắn đó và gửi lại cho người đánh đề, việc này có nghĩa là Nguyễn Thị T đã chấp nhận đánh số đề với người đó. Sau đó Nguyễn Thị T gửi toàn bộ tin nhắn đã nhận được từ người đánh đề đến điện thoại di động số thuê bao 0988538775 của Nguyễn Thị T’’, tương tự Nguyễn Thị T’’ nhắn lại cho Nguyễn Thị T với nội dung “OK”, nghĩa là Nguyễn Thị T’’ đã chấp nhận việc nhận đánh số đề từ Nguyễn Thị T. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết của các nhà đài thì Nguyễn Thị T nhờ Huỳnh C ghi chép, tổng hợp toàn bộ phơ đề và tiền đặt cược của các người chơi, kể cả các số đề trúng và tiền thắng. Đồng thời tính toán số tiền Nguyễn Thị T được hưởng hoa hồng từ Chủ đề Nguyễn Thị T’’. Nếu Chủ đề thắng thì Nguyễn Thị T đi thu tiền của người đánh đề bị thua giao lại cho Nguyễn Thị T’’; nếu Chủ đề thua thì Nguyễn Thị T đến lấy tiền từ Nguyễn Thị T’’ để trả cho những người đánh đề thắng. Với việc phụ giúp của Huỳnh C thì Nguyễn Thị T trả

tiền công cho Huỳnh C mỗi ngày là 50.000 đồng.

Cách thức đánh bạc dưới hình thức số đề như sau: Các đối tượng dựa vào kết quả xổ số kiến thiết của các Công ty xổ số kiến thiết Miền nam và Miền bắc để đánh số đề và phân định thắng thua bằng tiền. Cách thức đánh đề và tỷ lệ thắng thua được quy định như sau: Người nào đánh đề với Nguyễn Thị T thì nếu đánh số đầu, số đuôi, bao lô 02 con số thì khi trúng đề, tỉ lệ thắng Nguyễn Thị T chung 1 ăn 70 lần; nếu đánh số xiù chủ, bao lô 03 con số hoặc đánh số đá thì khi trúng đề, tỉ lệ thắng do Nguyễn Thị T chung 1 ăn 600 lần. Sau khi nhận đánh số đề với người khác thì Nguyễn Thị T chuyển toàn bộ số đề và số tiền đặt cược (gọi là phơ đề) lại cho Nguyễn Thị T'' là người làm chủ đề; Khi có số đề trúng thì Nguyễn Thị T'' chung lại cho Nguyễn Thị T theo tỷ lệ thắng thua như sau: nếu đánh số đầu, số đuôi, bao lô 02 con số thì khi trúng đề, tỉ lệ thắng Nguyễn Thị T'' chung 1 ăn 73,5 lần; nếu đánh số xiù chủ, bao lô 03 con số hoặc đánh số đá thì khi trúng đề, tỉ lệ thắng do Nguyễn Thị T'' chung 1 ăn 635 lần. Nếu kết quả xổ số không ra những con số mà người chơi đã đánh đề trước khi xổ số thì người chơi thua số tiền đã đặt cược và nhà cái thắng số tiền đó.

Với cách thức đánh đề như trên, ngày 05/11/2018, các đối tượng đánh bạc bằng hình thức ghi số đề như sau:

- Đối với Cao Thị T': Cao Thị T' đánh đề với Nguyễn Thị T tổng cộng 126.913.000 đồng. Trong đó tiền đánh đề thể hiện qua 09 lượt tin nhắn từ số thuê bao di động 0983172823 của Cao Thị T' gửi đến số thuê bao di động 0784188661 của Nguyễn Thị T là 71.213.000 đồng và tiền Cao Thị T' thắng đề 55.700.000 đồng, cụ thể: Cao Thị T' đánh đề dựa vào kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết thành phố Hồ Chí Minh tổng số tiền 55.732.000 đồng, trong đó tiền đánh đề 34.332.000 đồng, thắng đề 21.400.000 đồng; đánh đề dựa vào kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết Thủ Đức tổng số tiền 71.181.000 đồng, trong đó tiền đánh đề 36.881.000 đồng, thắng đề 34.300.000 đồng. Như vậy Cao Thị T' bị thua tiền từ việc đánh đề trong ngày 05/11/2018 là 15.513.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Thị T: Nguyễn Thị T nhận ghi số đề từ người khác và chuyển giao lại cho Nguyễn Thị T'', là Chủ đề để hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận. Tổng số tiền Nguyễn Thị T ghi số đề là 76.604.000 đồng. Trong đó, Nguyễn Thị T ghi số đề với Cao Thị T' 71.213.000 đồng; ghi số đề với Nguyễn Thị L 770.000 đồng; ghi số đề với Trần Thị H 24.000 đồng; Ngoài ra, Nguyễn Thị T ghi đề với nhiều người khác nhưng không xác định được danh tánh số tiền 4.597.000

đồng. Trong tổng số tiền ghi đề trên thì có các số đề người chơi đánh trúng mà nhà cái phải chi trả số tiền 65.526.000 đồng. Như vậy, Nguyễn Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề với tổng số tiền 142.130.000 đồng, trong đó có 6.194.000 đồng là tiền Nguyễn Thị T được hưởng lợi hoa hồng từ việc ghi đề và trúng đề theo thỏa thuận với Chủ đề.

- Đối với Nguyễn Thị T'': Nguyễn Thị T'' đánh đề với người khác với vai trò chủ đề thông qua Nguyễn Thị T với tổng số tiền 142.130.000 đồng. Trong đó tiền nhận đặt cược đánh đề từ Nguyễn Thị T thông qua các tin nhắn từ số thuê bao di động 0784188661 của Nguyễn Thị T gửi đến số thuê bao di động 0988538775 của Nguyễn Thị T'' là 76.604.000 đồng và tiền Nguyễn Thị T'' phải phải trả cho người đánh số đề thắng thông qua Nguyễn Thị T là 65.526.000 đồng. Cụ thể: Nguyễn Thị T'' đánh đề dựa vào kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết thành phố Hồ Chí Minh tổng số tiền 62.335.000 đồng, trong đó Nguyễn Thị T'' nhận đặt cược số đề 38.545.000 đồng, số tiền phải trả cho người thắng đề 23.790.000 đồng; đánh đề dựa vào kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết Đồng Tháp tổng số tiền 1.562.000 đồng, trong đó tiền nhận đặt cược số đề 486.000 đồng, số tiền phải trả cho người thắng đề 1.076.000 đồng; đánh đề dựa vào kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết Cà Mau tổng số tiền 853.500 đồng, trong đó tiền nhận đặt cược số đề 486.000 đồng, số tiền phải trả cho người đánh đề thắng 367.500 đồng; đánh đề dựa vào kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết Thủ Đức tổng số tiền 77.379.500 đồng, trong đó tiền nhận đặt cược 37.087.000 đồng, số tiền phải trả cho người đánh đề thắng 40.292.500 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn Thị T'' thắng được từ việc đánh đề trong ngày 05/11/2018 là 11.087.000 đồng, trong đó bao gồm cả tiền hoa hồng mà Nguyễn Thị T'' phải trả cho Nguyễn Thị T theo thỏa thuận.

- Đối với Huỳnh C: Huỳnh C là người được Nguyễn Thị T thuê tổng hợp toàn bộ phor đề và tính toán tiền thắng – thua từ việc Nguyễn Thị T đánh đề với nhiều người khác và được Nguyễn Thị T trả tiền công mỗi ngày là 50.000 đồng.

Toàn bộ số tiền đánh bạc giữa Nguyễn Thị T với những người nêu trên đều chưa đưa tiền đặt cược. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết vẫn chưa thanh toán tiền thắng – thua. Do đó, số tiền mà Nguyễn Thị T'' thắng được từ việc đánh đề và số tiền Nguyễn Thị T được hưởng hoa hồng vẫn chưa được nhận. Tuy nhiên, ngày 06/11/2018, Nguyễn Thị T đã lấy tiền của gia đình để trả cho Nguyễn Thị T'' 7.000.000 đồng. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Nguyễn Thị T'' đã chủ động trả lại cho Nguyễn Thị T 7.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh đen, có số thuê bao 0784188661 của Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động hiệu SONY màu trắng, có số thuê bao 0983172823 của Cao Thị T'; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có số thuê bao 0988538775 của Nguyễn Thị T''; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, có số thuê bao 0394068714 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung DUOS màu trắng, có số thuê bao 0359329758 của Huỳnh C; Thu giữ trên người Nguyễn Thị T 525.000 đồng và trên người Huỳnh C 279.000 đồng. Quá trình điều tra, xác định số tiền trên không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cơ quan điều tra Công an huyện Đức Linh đã trả lại cho Nguyễn Thị T và Huỳnh C.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSĐL-HS, ngày 02/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T'', Cao Thị T' và Huỳnh C về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh giữ nguyên cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T'', Cao Thị T' và Huỳnh C phạm tội đánh bạc.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T'' từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 20.000.000 đồng;

Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Cao Thị T' từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 15.000.000 đồng;

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 24 đến 27 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 10.000.000 đồng;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh C từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Không phạt bổ sung đối với bị cáo C vì bị cáo là đồng phạm, giữ vai trò thứ yếu, không đáng kể.

Về xử lý vật chứng : Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước 05 điện thoại di

động vì đây là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo T' nộp số tiền 71.213.000 đồng; buộc bị cáo T'' nộp số tiền 65.526.000; buộc bị cáo T nộp số tiền 9.149.000 đồng, trong đó có 5.391.000 đồng bị cáo T đánh đề với người khác nhưng không chứng minh được, 2.988.000 đồng thu lợi bất chính và 770.000 đồng tiền đánh đề Nguyễn Thị L đã giao cho bị cáo; buộc bị cáo C nộp lại số tiền 100.000 đồng; buộc bà Trần Thị H nộp 24.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo T', T, T'' và C đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và trình bày lời sau cùng như sau:

Bị cáo T'': Bị cáo biết hành vi đánh đề của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T': Bị cáo lần đầu phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T: Bị cáo biết hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo C: Bị cáo biết hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 05/11/2018, Nguyễn Thị T, Cao Thị T', Nguyễn Thị T'' và Huỳnh C đã 02 lần đánh bạc dưới hình thức đánh số đề ăn thua bằng tiền và mỗi lần đánh bạc đều trên 5.000.000 đồng. Trong đó, Cao Thị T' đánh bạc số tiền 126.913.000 đồng; Nguyễn Thị T'' đánh bạc số tiền 142.130.000 đồng; Nguyễn Thị T và Huỳnh C tham gia đánh bạc số tiền 142.130.000 đồng với vai trò đồng phạm. Do đó, hành vi đánh bạc của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSĐL-HS ngày 02/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức

Linh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Cao Thị T', Nguyễn Thị T'' và Huỳnh C với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội.

Riêng hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị L và Trần Thị H do chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2] Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T'' và bị cáo T' là người trực tiếp đánh bạc dưới hình thức đánh số đề thắng thua bằng tiền; bị cáo T giữ vai trò đồng phạm, tuy không nhằm mục đích thắng thua bằng tiền nhưng bị cáo giữ vai trò mắc xích quan trọng trong vụ án, bởi bị cáo là người trực tiếp ghi đề từ người đánh đề chuyển cho Chủ đề để hưởng lợi hoa hồng theo thỏa thuận; bị cáo C giữ vai trò đồng phạm với bị cáo T trong việc giúp bị cáo T ghi chép, tổng hợp phor đề và được bị cáo T trả tiền công. Xét về vai trò thì bị cáo C giữ vai trò giúp sức, không đáng kể. Từ phân tích trên, xét thấy tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án này như sau, bị cáo T'' phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất, sau đó đến bị cáo T', bị cáo T và bị cáo C.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an địa phương. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân và do thiếu hiểu biết pháp luật mà phạm tội. Do đó, cần xử phạt hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thực hiện hành vi đánh bạc 02 lần và mỗi lần đều trên 5.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo luôn tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; các bị cáo đều thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; học lực thấp, nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế; các bị cáo đều thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Sau khi cân nhắc, Hội đồng xét xử quyết định cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trước khi đưa vụ án ra xét xử, tuy hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo T' đã vay mượn 40.000.000 đồng và bị cáo T'' vay

mượn 20.000.000 đồng để nộp đảm bảo thi hành án, theo các biên lai thu tiền số 0003062 ngày 03/9/2019 và số 0003063 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Do đó Hội đồng xét xử vận dụng cho bị cáo T' và bị cáo T'' hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS “khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét thấy các bị cáo chỉ có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên các bị cáo đủ điều kiện để Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Ngoài ra, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng; xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương là phù hợp quy định tại Điều 31, Điều 36 và Điều 321 của Bộ luật hình sự, nhằm thể hiện tính nhân đạo và chính sách khoan hồng của pháp luật. Xét thấy các bị cáo đều là lao động nghèo, công việc không ổn định, thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[4] về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo T'' 20.000.000 đồng; phạt bị cáo T' 15.000.000 đồng; phạt bị cáo T 10.000.000 đồng; riêng bị cáo C, xét thấy bị cáo là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng vai trò không đáng kể, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5] Về biện pháp tư pháp: Xét thấy toàn bộ số tiền đánh bạc giữa Nguyễn Thị T với những người nêu trên đều chưa đưa tiền đặt cược. Sau khi có kết quả xổ số thiết kế vẫn chưa thanh toán tiền thắng – thua. Do đó, trên thực tế Nguyễn Thị T chưa nhận được tiền hoa hồng. Đồng thời số tiền 4.597.000 đồng mà Nguyễn Thị T ghi đề với nhiều người khác nhưng không xác định được danh tánh nên không có căn cứ để buộc bị cáo T nộp lại để sung quỹ nhà nước. Từ đó, căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo T' nộp lại số tiền 71.213.000 đồng; buộc bị cáo T'' nộp lại số tiền 65.526.000 đồng; buộc bị cáo T nộp lại số tiền 770.000 đồng, đây là tiền đánh đề Nguyễn Thị L thua đã trả cho bị cáo T; buộc bị cáo C nộp lại số tiền 100.000 đồng; Buộc bà Trần Thị H nộp lại số tiền 24.000 đồng. Đây là số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm để sung vào ngân sách nhà nước là đúng quy định. Đối với số tiền 7.000.000 đồng mà Nguyễn Thị T đưa cho Nguyễn Thị T'', xét thấy số tiền này không liên quan đến vụ

án và bị cáo T’’ đã tự nguyện trả lại cho bị cáo T nên không xem xét.

[6] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh về xử lý vật chứng là đúng quy định nên chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T’’, Cao Thị T’, Nguyễn Thị T và Huỳnh C phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T’’ 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã N, huyện Đức Linh nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T’’ cho UBND xã N, huyện Đức Linh giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị T’’ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.2 Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Thị T’ 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã N, huyện Đức Linh nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T’ cho UBND xã N, huyện Đức Linh giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Cao Thị T' 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

1.3 Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã N, huyện Đức Linh nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã N, huyện Đức Linh giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị T 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.4 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND thị trấn X, huyện Đức Linh nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo C cho UBND thị trấn X, huyện Đức Linh giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, khoản 1, khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc các bị cáo và bà Trần Thị H phải nộp toàn bộ số tiền liên quan trực tiếp đến hành vi đánh bạc để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Buộc bị cáo Cao Thị T' nộp số tiền 71.213.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Thị T'' nộp số tiền 65.526.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp số tiền 770.000 đồng; buộc bị cáo Huỳnh C nộp số tiền 100.000 đồng; buộc bà Trần Thị H nộp số tiền 24.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng của bị cáo T' và 20.000.000 đồng của bị cáo T'' đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0003062 ngày 03/9/2019 và số 0003063 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 05 điện thoại di động gồm: Điện thoại hiệu Nokia 105 màu xanh đen, có số thuê bao 0784188661; điện thoại di động hiệu SONY màu trắng, có số thuê bao 0983172823; điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có số thuê bao 0988538775; điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, có số thuê bao 0394068714 và điện thoại di động hiệu Samsung DUOS màu trắng, có số thuê bao 0359329758.

(Các vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh và theo biên bản giao nhận hồ sơ vụ án ngày 06/8/2019 giữa VKSND và TAND huyện Đức Linh).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Cao Thị T', Nguyễn Thị T'' và Huỳnh C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2019), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh;
- VKSND, Công an huyện;
- TTLTP-QG, Sở Tư pháp Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. X và UBND xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu

